

NHÂN SỰ KIẾN VÙNG VINH

TÌM HIỂU VẤN ĐỀ DẦU LỬA Ở TRUNG ĐÔNG

TRẦN TRUNG PHƯỢNG

Chiến tranh vùng Vịnh đã bùng nổ. Trong số nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến cuộc chiến bi thảm này, dầu lửa, sản phẩm chiến lược của nền kinh tế thế giới, là một trong những nguyên nhân quan trọng và sâu xa. Sản phẩm chiến lược này không những làm vận hành guồng máy kinh tế của thế giới mà còn làm vận hành luôn cả bộ máy chiến tranh! Có thể nói rằng lịch sử Trung Đông luôn luôn gắn liền với lịch sử dầu hỏa. Lần đở lại những trang sử về dầu lửa Trung Đông, chúng ta sẽ hiểu rõ hơn những biến cố đang xảy ra ngày hôm nay.

Xem bản đồ Vùng Vịnh, chúng ta thấy ngay đây là một vùng dầu mỏ lớn nhất và tập trung nhất của thế giới. Trữ lượng ước tính trên dưới 50 tỉ tấn. Theo một thống kê chưa đầy đủ, 62% tổng trữ lượng dầu của thế giới tập trung ở vùng Trung Đông. Tất cả các nước Vùng Vịnh: Ả-rập Xê-út, Iran, Irắc, Cô-oét... đều là những nước xuất khẩu dầu hàng đầu của thế giới.

Theo tài liệu của các nhà khảo cổ, cách đây 3000 năm, trên bờ sông Euphrate, của vùng Lưỡng Hà (Mésopotamie), con người đã biết đến công dụng của dầu. Người Chaldée dùng dầu để làm hồ cất nhà, còn người Ai Cập thì thường dùng dầu để ướp xác. Lúc đó, con người chưa biết đến kỹ thuật lọc dầu nên thường để nguyên mà dùng và cũng chưa ý thức được tất cả sức mạnh do dầu hỏa mang lại.

Mãi đến đầu thế kỷ 20, vào lúc kỹ nghệ xe hơi bắt đầu phát triển ở châu Âu, một người Anh tên là William Knox d'Arcy tìm được mỏ dầu ở Ba Tư (tức là Iran ngày nay) và đến năm 1909, một trong những công ty đầu tiên ở Trung Đông là công ty Persian Oil được thành lập.

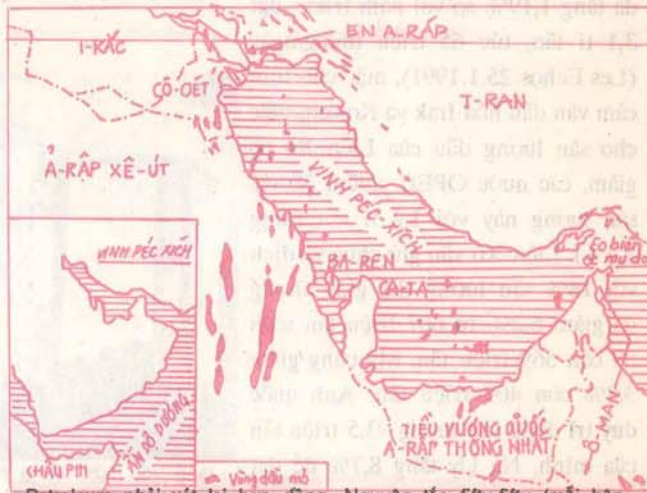
Kể từ khi dầu lửa được phát hiện và khai thác ở vùng này, chủ nghĩa đế quốc phương Tây, nhất là đế quốc Anh, vội vàng đánh giá ngay đây là một "vùng chiến lược" hết sức quan trọng và ai nắm được các "cánh đồng dầu" (oilfields) của vùng này người đó sẽ khống chế được nền kinh tế của thế giới. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất đã diễn ra trước đó, vào cuối thế kỷ 18 ở Anh quốc, không thể tiếp tục phát triển được nếu không được tiếp máu bằng thứ vàng đen quý giá này. Mặc dù trữ lượng của các mỏ dầu ở Mỹ và vùng biển Caribe cũng thuộc vào loại lớn của thế giới, các công ty Bắc Mỹ luôn luôn phòng xa, muốn tiêu thụ trước các giếng dầu của thế giới trước khi mức đến giếng dầu cuối cùng của mình.

Tiếp theo các công ty của Anh, các công ty của các nước đế quốc phương Tây khác cũng lần lượt nhảy vào tìm kiếm và khai thác dầu. Năm 1913, công ty Đức Bagdadbahn khai thác miền Mossoul ở phía Bắc Irắc (Lúc đó, miền này đặt dưới sự cai trị của Thổ). Năm 1920, trên đảo Ba-ren ở vịnh Ba Tư, các công ty ngoại quốc của Anh bắt đầu đặt chân đến khai thác dầu. Mỹ tuy chậm trễ hơn, nhưng cũng tích cực tìm kiếm. Năm 1930, một nhóm người Mỹ, giả dạng làm dân du mục Ả-rập, đổ bộ lên bán đảo Ả-rập để tìm dầu. Họ đào nhiều nơi và thấy có một lớp dầu lửa liên tục từ dãy núi Caucase ở Nga tới Ả-rập, ngang qua Mésopotamie và Ba Tư.

Phát hiện này làm cho các cường quốc phương Tây, kể cả Nhật ở châu Á nữa, càng "quyết tâm" hơn nữa trong việc dấn sâu vào "sự nghiệp dầu hỏa". Các cuộc tranh chấp giữa các công ty đế quốc về dầu hỏa diễn ra ngày càng ác liệt. Cảnh cá lớn nuốt cá bé diễn ra ngay trong nội bộ các công ty đế quốc. Công ty Gulf Oil của Mỹ, lúc đó đang khai thác dầu ở bán đảo Ả-rập, vì không cạnh tranh nổi với các công ty của Anh (Thời đó các công ty Anh làm chủ tể trên khu vực từ Ai Cập đến Ba Tư, làm mua làm gió trên thị trường dầu lửa) đành phải sát nhập vào một công ty Mỹ mạnh hơn là công ty California Arabian Standard Oil (viết tắt: CASOC). Công ty này được thành lập năm 1935 và sau được chuyển thành công ty Aramco nổi tiếng.

Tóm lại, trước năm 1970, và một phần lớn sau đó, tất cả các giếng dầu ở Trung Đông đều do nước ngoài khai thác. Công ty Anglo-Iranien giữ độc quyền các giếng dầu ở Iran, 50% giếng dầu ở Cô-oét, 47,50% giếng dầu ở Irắc. Công ty Mỹ độc quyền khai thác ở bán đảo Ả-rập, đảo Ba-ren. Công ty Pháp khai thác 25 % giếng dầu ở Irắc.

Trước đây, do chưa thấy hết được giá trị của dầu hỏa, lại ở vị trí của một kẻ nô lệ, các nước Trung Đông bị các công ty dầu đế quốc bóc lột thậm tệ. Trong thời gian đầu, các công ty dầu chỉ phải nộp cho chính phủ các nước có giếng dầu một số tiền thuế rất nhỏ so với số lãi khổng lồ mà các công ty này thu được hàng năm. Sự bất mãn của các dân tộc Trung Đông ngày càng dâng cao. Sau khi thu hồi nền độc lập chính trị, các nước Trung Đông quyết tâm giành lại quyền lợi chính đáng về dầu hỏa của mình. Vua Ả-rập Ibn Séoud tuyên bố: "Độc lập chính trị sẽ không có ý nghĩa nếu không có độc lập kinh tế. Xứ sở này được canh tân không phải là để cho nó mất tự do mà là để cho nó có thể hưởng được tự do". Các nước Trung Đông bắt đầu xét lại vấn đề dầu hỏa của mình. Hầu hết đều đòi xét lại các hợp đồng. Vào ngày 1-5-1951, thủ tướng Iran là Mossadegh tuyên bố quốc hữu hoá dầu lửa. Đó là luật quốc hữu hoá đầu tiên ở Trung Á và Tây Á. Tháng 4 năm 1961, Irắc cũng đòi công ty Irak



Petroleum phải xét lại hợp đồng. Nguyên tắc fifty-fifty (mỗi bên 50% tiền lãi, dần dần được áp dụng và trở nên phổ biến).

Các nước có mỏ dầu còn muốn tăng giá quyền lợi của mình hơn nữa. Một số nước muốn rằng đến năm 2000 thì hợp đồng sẽ chấm dứt, tất cả tài nguyên, thiết bị, nhà máy đều thuộc về chính phủ sở tại. Nước nào có trình độ kỹ thuật cao và có chuyên gia (nhưng thông thường là thuê chuyên gia nước ngoài) thì đảm trách toàn bộ công nghiệp dầu khí. Họ thành lập "Tổ chức các nước xuất khẩu dầu" (OPEC) để bảo vệ quyền lợi của mình.

Ngay trong nội bộ các nước này cũng có sự tranh chấp thường xuyên về dầu lửa. Gần đây nhất là sự tranh chấp giữa Irắc và Cô-oét. Trong khi Irắc muốn đẩy giá dầu lên thì Cô-oét lại phá giá bằng cách tuồn ra nhiều dầu hơn trên thị trường thế giới.

Đối với các nước phương Tây, không gì làm cho họ lo ngại bằng sự độc quyền thao túng dầu hỏa của một quốc gia ở trong khu vực này, dù đó là Irắc hay Iran. Không bao giờ họ cho phép tồn tại một cường quốc dầu hỏa ở khu vực này, nhất là khi cường quốc đó có đầy đủ khí-gió tài sản để có thể đáp lễ lại họ trong trường hợp xung đột nổ ra...

TTP.